

## Chương II

# **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Để phục vụ cho công tác quản lý tài chính thì đơn vị cần phải có các tài liệu tổng hợp phản ánh toàn bộ hoạt động của mình. Các tài liệu tổng hợp không chỉ cần cho bản thân đơn vị mà còn cần thiết cho những đối tượng có quyền lợi trực tiếp hoặc gián tiếp đối với đơn vị, và những ai có quan tâm đến hoạt động của đơn vị.

Việc phản ánh vào sổ sách kế toán mới chỉ phản ánh được từng loại tài sản, từng loại nguồn vốn cũng như từng mặt riêng biệt của quá trình hoạt động của mỗi đơn vị. Các tài liệu này mặc dù rất cần thiết cho công tác quản lý, song yêu cầu tổng hợp từ các sổ kế toán thành hệ thống các chỉ tiêu tổng hợp là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng về mặt quản lý tài chính. Các thông tin tổng hợp được gọi là các thông tin tài chính mà công tác kế toán phải có trách nhiệm cung cấp một cách kịp thời, chính xác trung thực.

Do tính chất tổng hợp của các thông tin tài chính nên số liệu được sử dụng để xác lập các chỉ tiêu tổng hợp đều được biểu hiện dưới hình thức tiền tệ (chỉ sử dụng duy nhất thước đo bằng tiền).

Cân đối là tính chất vốn có gắn liền với đối tượng mà kế toán phản ánh và giám đốc biểu hiện qua mối quan hệ giữa tài sản và nguồn

hình thành nên tài sản, ngoài ra nó cần được biểu hiện thành những quan hệ cụ thể bên trong của bản thân tài sản, bản thân nguồn vốn và mối quan hệ giữa chúng với nhau trong quá trình vận động. Có thể đưa ra một vài ví dụ:

**Giá trị hiện còn lại của tài sản cố định = Nguyên giá - Giá trị hao mòn**

**Số dư đầu kỳ + Số phát sinh tăng trong kỳ = Số dư cuối kỳ + Số phát sinh giảm trong kỳ**

Tính cân đối của kế toán còn bắt nguồn từ phương pháp ghi sổ kép để phản ánh mối quan hệ giữa các đối tượng kế toán gắn liền với nghiệp vụ kế toán cụ thể: Ghi nợ phải đi đôi với ghi có và số tiền phải luôn luôn bằng nhau, tổng số phát sinh bên nợ của các tài khoản = tổng số phát sinh bên có của các tài khoản.

Ngoài ra tính cân đối còn xuất hiện thông qua việc tổng hợp các quá trình hoạt động của doanh nghiệp để cung cấp các thông tin tài chính nhằm phản ánh tổng quát tình hình và kết quả hoạt động của đơn vị. Có thể nêu một vài cân đối thuộc dạng này:

**Luồng tiền tệ ở đầu kỳ + Luồng tiền tăng thêm trong kỳ = Luồng tiền giảm xuống trong kỳ + Luồng tiền hiện có cuối kỳ**

**Doanh thu thuần = Giá vốn hàng hoá + Chi phí bán hàng và quản lý + Kết quả kinh doanh.**

Tính cân đối tồn tại khách quan gắn liền với đối tượng kế toán và sự vận động của đối tượng kế toán, nó cũng tồn tại khách quan trong quá trình tổng hợp thông tin. Tính tổng hợp là yêu cầu khách quan trong hoạt động quản lý nói chung và quản lý tài chính nói riêng. Tính tổng hợp của thông tin kế toán không thể tách rời đối tượng kế toán và sự vận động của nó. Do vậy, tổng hợp cân đối là hai mặt khác nhau của phương pháp kế toán, chúng tồn tại đồng thời và quan hệ mật thiết với nhau biểu hiện bức tranh toàn cảnh về kết quả hoạt động của đơn vị.

Phương pháp tổng hợp cân đối được biểu hiện thông qua hệ thống các báo cáo kế toán. Theo qui định hiện nay, báo cáo kế toán tài chính định kỳ bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Bảng thuyết minh bổ sung.

Sau đây sẽ giới thiệu 2 báo cáo biểu hiện tập trung tính tổng hợp - cân đối của kế toán: Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **2.1. Bảng cân đối kế toán**

**Khái niệm:** Bảng cân đối kế toán là một bảng báo cáo tài chính tổng hợp dùng để khái quát toàn bộ tài sản và nguồn hình thành tài sản đó tại một thời điểm nhất định.

**Biểu hiện phương pháp tổng hợp cân đối.**

**Giá trị biểu hiện:** Tiền.

**Tại một thời điểm nhất định.**

- Đặc điểm:
- Số liệu chỉ phản ánh tình trạng tài chính tại thời điểm lập báo cáo.
- Có tính tổng kết toàn bộ giá trị tài sản và nguồn hình thành tài sản sau một quá trình sản xuất kinh doanh.

**Tác dụng:**

- Thấy được toàn bộ giá trị tài sản hiện có, hình thái vật chất của tài sản, nguồn hình thành tài sản đó.

- Đánh giá khái quát tình hình tài chính, sự biến động tăng giảm của nguồn vốn chủ sở hữu.

**Nội dung và kết cấu của bảng:** Xuất phát từ yêu cầu biểu hiện hai mặt khác nhau của tài sản trong doanh nghiệp: Tài sản gồm những gì và tài sản do đâu mà có nên kết cấu của bảng được xây dựng theo 2 bên hoặc hai phần:

**A, PHẦN TÀI SẢN:** Phản ánh giá trị tài sản hiện có tại thời điểm lập báo cáo của tất cả đối tượng thuộc nhóm tài sản (theo tính lưu động giảm dần). Phần tài sản được chia làm 2 loại lớn:

- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn.
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn.

**B, PHẦN NGUỒN VỐN:** Phản ánh giá trị tài sản hiện có tại thời điểm lập báo cáo của tất cả đối tượng thuộc nhóm nguồn vốn theo thời hạn thanh toán tăng dần. Phần nguồn vốn được chia làm 2 loại lớn:

- Nợ phải trả.
- Nguồn vốn chủ sở hữu.

Trong từng loại còn chia thành nhiều mục, nhiều khoản để phản ánh chi tiết theo yêu cầu quản lý chung theo những quy định và sắp xếp thống nhất.

Hai bên của bảng phản ánh hai mặt khác nhau tài sản trong doanh nghiệp nên giữa chúng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Xét về mặt lượng thì bao giờ cũng có:

Tài sản	=	Nguồn vốn
Tổng tài sản	=	Nợ phải trả + Nguồn vốn chủ sở hữu

Tính bằng nhau biểu hiện tính cân đối. Tính cân đối là tính chất cơ bản của Bảng Cân Đối Kế Toán.

VD: Phân biệt tài sản và nguồn vốn cho một cho một doanh nghiệp theo các thông tin sau (Lập bảng cân đối kế toán):

-Tiền mặt tại quỹ	30.000.000
-NVL trong kho trị giá	100.000.000
Hình thành từ: nhà nước cấp	70.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	30.000.000
- Máy móc thiết bị trị giá	500.000.000

Nhà nước cấp	100.000.000
Vốn của các thành viên góp	300.000.000
Vay dài hạn	100.000.000

### Xét tính cân đối của bảng:

**Khái niệm:** Nghiệp vụ kinh tế phát sinh là sự kiện làm biến động tài sản, nguồn vốn trong doanh nghiệp. Điều kiện đề là nghiệp vụ kinh tế: Liên quan đến ít nhất hai đối tượng kế toán và phải có giá trị cụ thể.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các loại tài sản và nguồn vốn luôn biến động (tăng lên hoặc giảm xuống) do tác động của các nghiệp vụ kinh tế. Vậy sự biến động của tài sản và nguồn vốn có làm phá vỡ tính chất cân đối của bảng cân đối kế toán?

Tài sản	SDDK	Nguồn vốn	SDDK
A.TSLĐ&ĐTNH	165.000.000	A.NỢ PHẢI TRẢ	75.000.000
Tiền mặt	20.000.000	Vay ngắn hạn	30.000.000
Tiền gửi ngân hàng	35.000.000	Phải trả người bán	35.000.000
Nguyên vật liệu	50.000.000	Phải nộp nhà	10.000.000

		nước	
Công cụ dụng cụ	10.000.000		
Thành phẩm	50.000.000		
B.TSCĐ&ĐTDH	70.000.000	B. NGUỒN VỐN CSH	160.000.000
TSCĐ hữu hình	100.000.000	Vốn kinh doanh	140.000.000
Hao mòn TSCĐHH	(30.000.000)	Quỹ	20.000.000
Tổng Tài sản	235.000.000	Tổng Nguồn vốn	235.000.000

Mặc dù các nghiệp vụ kinh tế đa dạng nhưng nói chung ảnh hưởng của chúng lên tài sản và nguồn vốn làm thay đổi bảng không ngoài 4 trường hợp sau:

- Trường hợp 1:** Liên quan 2 khoản mục một bên Tài sản: khoản mục này tăng, khoản mục kia thì giảm.

**Vd:** Rút tiền gửi ngân hàng 5.000.000đ nhập quỹ tiền mặt.

**Phân tích:** Tiền gửi ngân hàng giảm 5.000.000đ

Tiền mặt tăng 5.000.000đ



**Trường hợp 2:** Liên quan 2 khoản mục một bên Nguồn vốn: khoản mục này tăng, khoản mục kia thì giảm.

**Vd:** DN vay ngắn hạn 10.000.000đ trả nợ cho người bán.

**Phân tích:** Vay ngắn hạn tăng: 10.000.000đ

Phải trả người bán giảm: 10.000.000đ

**Trường hợp 3:** Liên quan khoản mục hai bên bảng: các khoản mục này cùng tăng.

**Vd:** Mua nguyên liệu nhập kho chưa trả tiền người bán 20.000.000đ.

**Phân tích:** Nguyên liệu tăng: 20.000.000đ

Phải trả người bán tăng: 10.000.000đ

**Trường hợp 4:** Liên quan khoản mục hai bên bảng: các khoản mục này cùng giảm.

**Vd:** DN sử dụng tiền gửi ngân hàng trả nợ vay ngắn hạn ngân hàng 10.000.000đ.

**Phân tích:** Tiền gửi ngân hàng giảm: 10.000.000trđ.

Vay ngắn hạn giảm: 10.000.000trđ.

Nhận xét chung:

- Mỗi NVKT phát sinh liên quan ít nhất 2 khoản mục trên bảng CĐKT
- Nếu NVKT phát sinh chỉ ảnh hưởng đến những khoản mục ở một bên của bảng CĐKT thì số tổng cộng ở phần tài sản và phần nguồn vốn vẫn không thay đổi (Nvụ 1 & 2).
- Nếu NVKT phát sinh đồng thời ảnh hưởng đến những cả hai phần của bảng CĐKT thì số tổng cộng ở 2 phần thay đổi, cùng tăng hoặc cùng giảm (Nvụ 3 & 4).
- Trong mọi trường hợp khi có NVKT phát sinh, tính chất cân đối của bảng không bị phá vỡ nghĩa là:

**TỔNG CỘNG TÀI SẢN = TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**

## **2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**Khái niệm:** Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kinh doanh.

Tác dụng:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh lãi lỗ và các chỉ tiêu khác giúp nhà quản trị ra các quyết định trên cơ sở phân tích tình hình và kết quả hoạt động của doanh nghiệp.
- Cung cấp các thông tin cần thiết cho các tổ chức cá nhân bên ngoài doanh nghiệp đặc biệt là khi xem xét khả năng sinh lời từ hoạt động của doanh nghiệp.

### **Nội dung và kết cấu:**

#### **Gồm 3 phần**

- **Phần I:** Lãi lỗ: Các chỉ tiêu cần thiết về tình hình hoạt động của doanh nghiệp: Doanh thu, Chi phí, Lợi nhuận từ:

Hoạt động sản xuất kinh doanh: Là hoạt động cơ bản, chính chủ yếu trong Doanh nghiệp: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

Hoạt động tài chính: Là hoạt động góp phần sử dụng hiệu quả đồng vốn như đầu tư mua bán chứng khoán, góp vốn, cho vay, kinh doanh bất động sản.

Hoạt động bất thường: Là những hoạt động không xảy ra thường xuyên như: thanh lý, nhượng bán tài sản, thu được các khoản nợ khó đòi....

- **Phần II:** Tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước:

Thuế, Các khoản phải nộp khác..., tổng số thuế của năm trước chuyển sang.

□ **Phần III:** Thuế VAT được khấu trừ, được hoàn lại, được miễn giảm.

### **2.3. Mối quan hệ giữa bảng BCKQKD và bảng Cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu trên bảng cân đối tài sản: **Lãi (Lỗ) = Doanh thu - Chi phí.**

Lãi chưa phân phối là bộ phận chủ yếu của vốn chủ sở hữu do đó khoản mục lãi trên Bảng cân đối kế toán sẽ tăng giảm một lượng bằng kết quả kinh doanh lãi lỗ trên bảng BCKQKD.

Vào thời điểm ghi doanh thu được hưởng, doanh nghiệp đã nhận được một khoản tiền hay khoản phải thu làm tăng tài sản. Ngược lại, khi phát sinh chi phí được trừ thì tài sản của đơn vị đã bị giảm xuống.

Các chỉ tiêu doanh thu, chi phí tuy không xuất hiện trên bảng cân đối kế toán mà thông qua chỉ tiêu lãi chưa phân phối bởi vì các sự liên quan đến tăng giảm các loại tài sản đã được trình bày trên bảng cân đối kế toán.

Sau một quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh dù kết quả đạt được thế nào đi nữa (lãi, lỗ) thì sự cân đối tài sản và nguồn vốn cũng được giữ vững.